

Bản án số: 196/2022/DS-PT

Ngày: 05/7/2022

*V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản và đề nghị
hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HH NỘI

- THHnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn HU Cường;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Ông Điều Văn Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thanh HU – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại HH Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại HH Nội: Bà Nguyễn Thị TH Mai- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại HH Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 257/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản và đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST, ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tHHnh phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7359/2022/QĐ-PT, ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1945; địa chỉ: Thôn 5, xã MĐ, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị ĐA, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn 7, xã Thủy Sơn, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng; có mặt.

*** Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1945; địa chỉ: Thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng; vắng mặt, ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Khánh; có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng, đã chết ngày 01/10/2021.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông V: Bà Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị Nga, chị Nguyễn Thị Ngọc, chị Nguyễn Thị Ngà

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng; vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị VE, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 22 Cam Lộ 6, pHO Hùng Vương, quận H Bàng, tHHnh phố Hải Phòng; có mặt.
3. Bà Nguyễn Thị VI, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn 3, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng; có mặt.
4. Chị Nguyễn Thị HH, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Trà Sơn, xã Kênh Giang, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng; có mặt.
5. Chị Nguyễn Thị TH, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng.
6. Chị Nguyễn Thị HU sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng; có mặt.
7. Chị Nguyễn Thị HO, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng; vắng mặt, ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Khanh.
8. Ông Đỗ Văn Vẹn, sinh năm 1945 và bà Lương Thị Hạnh; cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng; vắng mặt.
9. Anh Đỗ Xuân Hiên, sinh năm 1987 và chị Tạ Thị Thảo, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng; vắng mặt.
10. Anh Nguyễn Văn Sỹ, sinh năm 1973 và chị Phạm Thị H; cùng địa chỉ: Xóm 3, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng; vắng mặt.
11. Chị Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1991; địa chỉ: Bình Kiều 1, pHO Đông Hải 2, quận Hải An, tHHnh phố Hải Phòng; vắng mặt.
12. Anh Lê Minh Khương, sinh năm 1981 và chị Phạm Thị TH Hiên, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Khu 12 Lũng Bắc, pHO Đằng Hải, quận Hải An, tHHnh phố Hải Phòng; vắng mặt.
13. Anh Trần Văn Quân, sinh năm 1990 và chị Bùi Thị Thanh HH; cùng địa chỉ: Xóm 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng; vắng mặt.
14. Ủy ban nhân dân huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị VE, bà Nguyễn Thị VI, ông Nguyễn Văn V thống nhất trình bày:

Cụ Nguyễn Văn Tròn, (chết năm 1980) và cụ Phạm Thị Nết (chết năm 1965). Hai cụ có 6 người con là: ông Nguyễn Văn Vượng (hy sinh năm 1975, không có vợ con), ông Nguyễn Văn Sơn (chết năm 1989 - có vợ là bà Nguyễn Thị H, các con là chị Nguyễn Thị TH, Nguyễn Thị HU, Nguyễn Thị HO, Nguyễn Thị HH), bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị VE, bà Nguyễn Thị VI, ông Nguyễn Văn V. Hai cụ không có con riêng, con nuôi. Khi còn sống hai cụ đã tạo dựng tài sản nHH đất diện tích là khoảng 3 sào tại thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng. Hai cụ mất không để lại di chúc. Chị em đã sửa chữa làm nHH hai gian để làm nơi thờ cúng giao cho ông Sơn quản lý. Khi cụ Tròn chết, anh chị em không có tiền để lo tang lễ cho cụ nên ông Sơn định đem bán diện tích đất của bố

mẹ là 216m² (06 miếng) để lấy tiền lo ma chay, lúc đó bà Đ đã bỏ tiền ra mua lại diện tích đất này và đưa tiền cho ông Son để lo tang lễ cho cụ Tròn. Theo văn bản hợp gia đình ngày 22/02/2002, có chữ ký của ông V bà VE, bà VI, bà H ký vào văn bản hợp và thống nhất diện tích đất của bà Đ là 6 miếng hiện ông V đang sử dụng có 3 miếng và ông Son đang sử dụng có 3 miếng. Do lúc đó ông V và ông Son không có chỗ ở và lại đông con nên bà Đ đã cho ông V, ông Son ở nhờ trên diện tích 216m² đất bà Đ đã bỏ tiền mua cho đến nay. Quá trình vợ chồng ông V và vợ chồng ông Son ở trên đất đã xây nhà ở trên diện tích đất vợ chồng ông V và hộ bà H đã được UBND huyện TN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/02/2006. Bà Đ, bà VE, bà VI, ông V không ký vào biên bản hợp gia đình tự phân chia di sản thừa kế năm 2005 trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H và ông V.

Ngày 17/9/2014, bà Nguyễn Thị VE và chồng là ông Phạm Xuân Cung có ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 230 triệu đồng với Ngân Hàng TMCP Kiên Long, tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là thế chấp quyền sử dụng 484m² đất tại thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tỉnh Hải Phòng do ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng. Đến nay, bà VE, ông Cung đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ với Ngân Hàng. Ngân Hàng có văn bản gửi Tòa án về việc xóa thế chấp quyền sử dụng đất trên của ông V, bà C.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ khai việc ông V chuyển nhượng diện tích đất cho vợ chồng anh Khương bà không biết. Theo Biên bản hợp gia đình ngày 22/02/2002 và Biên bản hợp ngày 27/7/2015 bà Đ đã nhiều lần yêu cầu ông V và bà H trả lại diện tích đất 216m² đất và bà Đ có nguyện vọng để xây nhà ở, ông V đồng ý trả lại diện tích là 108m² nhưng bà H không đồng ý, vì vậy:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ: Đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà 108m² đất và diện tích ông Nguyễn Văn V đồng ý trả là 108m² tổng cộng là 216m² đất; diện tích còn lại 800m² chia thừa kế đều cho anh chị em; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện TN cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị C.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H khai: Bà thống nhất với lời khai của bà Đ, bà VE, bà VI, ông V về nguồn gốc tài sản là diện tích đất tranh chấp, thời điểm chết của cụ Tròn, cụ Nết, anh chị em trong HHng thừa kế. Bà lấy ông Son năm 1969 có đăng ký kết hôn sinh được 4 người con là chị Nguyễn Thị HH, Nguyễn Thị TH, Nguyễn Thị HU, Nguyễn Thị HO. Gia đình bà đã ở trên đất tranh chấp từ đó cho đến nay. Khi về làm dâu cho đến nay bà cùng chồng đã xây lại nhà ở 1,5 tầng trên diện tích 200m², do các con bà đóng góp. Năm 2006, gia đình bà có xây thêm nhà ở cùng các cụ. Khi cụ Tròn chết 5 anh chị em đã tự phân chia bằng miếng là diện tích đất bố mẹ để lại chia cho ông Son một nửa và ông V một nửa nên bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hơn 400m². Khi cụ Tròn chết anh em không có tiền định bán đi 6 miếng đất nhưng bà Đ có mang tiền sang tự bà Đ chi tiêu cho tang lễ bà không rõ. Khi ông Son còn sống bà H có nghe ông Son nói anh em chia cho bà Đ 06 miếng đất, ông Son và ông V mỗi ông chia cho bà Đ 3 miếng đất. Trước đây bà Đ không đòi đất, tết bà Đ sang chặt 3 buồng chuối là hết, trừ nợ là xong. Văn bản hợp gia đình ngày 22/02/2002 bà H có ký nhưng không

nhớ nội dung vì bà đang ốm. Biên bản họp gia đình ngày 27/7/2015 do bà H ký nhưng bà không đọc nội dung. Vợ chồng bà và các con đã ở trên diện tích đất tranh chấp từ năm 1969 cho đến nay, đã xây nhà ở ổn định và đóng Thuế đất đầy đủ nên bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đề nghị giữ nguyên hiện trạng đất như hiện nay.

Đối với phần diện tích ông V đã bán cho anh Nguyễn Văn Sỹ, bà H và các con là chị HO, chị HH không có ý kiến gì, không phản đối vì đây là đất của ông V.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Diện tích đất ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cho con gái là Nguyễn Thị Nga 100m². Sau đó, ông đã làm thủ tục chuyển nhượng phần diện tích đã cho cháu Nga cho ông Lê Minh Khương, bà Phạm Thị TH Hiền. Ông Khương, bà Hiền đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng lại cho anh Trần Văn Quân. Anh Quân đã xây lán tôn trên diện tích đất đó. Ngoài ra, năm 2019 ông V còn chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn Sỹ 100m² đất với giá tiền 300 triệu đồng, có lập hợp đồng nhưng không công chứng, chứng thực. Anh Sỹ chưa xây dựng gì trên đất. Ông V nhất trí trả lại 108m² đất do ông đang quản lý trả lại bà Đ. Đối với yêu cầu chia thừa kế đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị C nhất trí với lời khai của chồng là ông Nguyễn Văn V.

- Chị Nguyễn Thị HH, Nguyễn Thị HO nhất trí với lời khai của bà H. Chị HO trình bày thêm: Phần diện tích đất đã bán cho ông Vện đã chuyển nhượng khi bố chị là ông Sơn vẫn còn sống. Sau đó ông Vện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã chuyển nhượng lại cho ông Hiền, bà Thảo.

- Ông Đỗ Văn Vện trình bày: Năm 1992, ông Vện nhận chuyển nhượng hơn 100m² của ông Sơn với giá 5 triệu đồng, sau đó ông Vện lại nhận chuyển nhượng thêm diện tích nữa để cho vuông đất tổng diện tích là hơn 100m². Năm 2014, ông Vện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã chuyển nhượng cho anh Hiền, chị Thảo.

- Anh Đỗ Xuân Hiền, chị Tạ Thị Thảo trình bày: Năm 2014, vợ chồng anh Hiền, chị Thảo nhận chuyển nhượng diện tích hơn 100m² đất của ông Đỗ Văn Vện với giá 125 triệu đồng. Anh Hiền, chị Thảo đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định diện tích đất trên. Hiện trên đất có căn nhà do anh chị xây dựng lên và 1 lán bán HHng.

- Chị Nguyễn Thị Nga trình bày: Chị là con ông V, bà C. Bố mẹ chị chưa làm thủ tục tặng cho chị diện tích đất 100m² tại thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, mà chỉ cho chị tiền khi bán được diện tích đất trên cho ông Khương, bà Hiền, cho chị bao nhiêu tiền chị không nhớ. Ông Khương, bà Hiền sau này lại chuyển nhượng lại diện tích đất trên ai chị không biết.

- Anh Trần Văn Quân trình bày: Năm 2019, anh Quân nhận chuyển nhượng diện tích đất trên của người tên Quảng, ở Cát Cụt, Hải Phòng, không nhớ rõ địa chỉ cụ thể. Giá chuyển nhượng anh Quân không rõ. Khi chuyển nhượng có lập hợp đồng, có công chứng, chứng thực và anh Quân đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Anh Quân đã xây lán hết đất hết 400 triệu đồng.

- Anh Nguyễn Văn Sỹ trình bày: Năm 2019, anh Sỹ có nhận chuyển nhượng diện tích 100m² của ông V với giá 360 triệu đồng. Hai bên có lập hợp đồng nhưng không công chứng, chứng thực. Tại thời điểm chuyển nhượng, anh Sỹ biết diện tích đất này đang tranh chấp nhưng do lúc đó ông V đang bị bệnh cần có tiền để cứu chữa và các bà Đ, bà VE, bà V đồng ý để ông V bán nên anh Sỹ mới mua. Diện tích đất trên anh Sỹ vẫn giữ nguyên hiện trạng lúc nhận chuyển nhượng của ông V. Chưa xây sửa gì trên đất và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh Sỹ đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho anh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST, ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tHHnh phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 658, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 138 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

Xác định diện tích 1.301m² trị giá 2.602.000.000 đồng tại thửa số 35B và 35C tờ bản đồ số 03 thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng là di sản của cụ Nguyễn Văn Tròn và cụ Phạm Thị Nết.

Giao cho bà Nguyễn Thị Đ diện tích 245,4m² giáp mặt đường liên xã có mốc giới từ 14 - 15 - 4.1 - 5 - 14 và diện tích 278,5m² (trong đó có 36,7m² đất ngõ đi chung) đất vườn trên có cây trồng, có mốc giới 12 - 13 - 5.1 - 5 - 6 - 7 - 8.1 - 11.1 - 12.1 - 12. Tổng cộng là 523,9m² tại thửa số 35B và 35C tờ bản đồ số 03, thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng trị giá 1.047.800.000 đồng (vị trí, kích thước có sơ đồ kèm theo). Bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho: Bà Nguyễn Thị VI số tiền là 310.000.000đ trị giá 155m² đất; trả cho bà Nguyễn Thị VE số tiền 82.200.000 đồng trị giá 41,1m², trả cho bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị HH, chị Nguyễn Thị TH, chị Nguyễn Thị HU, chị Nguyễn Thị HO số tiền là 13.350.000 đồng (trong đó 11.350.000 đồng trị giá ½ tường bao và 2.000.000 đồng trị giá 30 cây na và 10 khóm chuối); trả cho ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị C số tiền 1.200.000 đồng trị giá 20 khóm chuối và 4 cây cau.

Giao cho bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị HH, chị Nguyễn Thị TH, chị Nguyễn Thị HU, chị Nguyễn Thị HO diện tích giáp mặt đường liên xã là 300,7m² đất trên có nHH và các công trình khác do vợ chồng bà H và chị Nguyễn Thị HH, chị Nguyễn Thị TH, chị Nguyễn Thị HU, chị Nguyễn Thị HO xây có mốc giới từ 15 - 16 - 4 - 4.1 - 15 tại thửa số 35B tờ bản đồ số 03, thôn 1 xã Cao Nhân, huyện TN tHHnh phố Hải Phòng (vị trí, kích thước có sơ đồ kèm theo). Bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị HH, chị Nguyễn Thị TH, chị Nguyễn Thị HU, chị Nguyễn Thị HO phải trả cho bà Nguyễn Thị VE số tiền là 170.000.000 đồng trị giá 85m² đất.

Giao cho ông Nguyễn Văn V diện tích 163m² đất trên có nHH cấp 4 và công trình phụ do ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị C xây, có mốc giới 13 - 14

- 5 - 5.1 - 13 tại thửa số 35C tờ bản đồ số 03, thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, tHHnh phố Hải Phòng (vị trí, kích thước có sơ đồ kèm theo). Ông Nguyễn Văn V phải trả cho bà Nguyễn Thị VE số tiền là 57.800.000 đồng trị giá 28,9m².

Gia đình ông Nguyễn Văn V và gia đình bà Nguyễn Thị Đ đi chung ngõ đi diện tích 36,7m² đất (có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị HH, chị Nguyễn Thị TH, chị Nguyễn Thị HU, chị Nguyễn Thị HO được nhận thừa kế là diện tích đất trong đó có phần đất nằm trong HHnh lang giao thông, khi cơ quan nHH nước có thẩm quyền TH hồi hoặc giao sử dụng phải chấp HHnh theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả, nghĩa vụ thi HHnh án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/7/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 17/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị HH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 06/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị HO kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 06/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Nga kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Đương sự kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng bà H, ông V đã được cấp GCNQSDĐ nên THộc quyền sử dụng hợp pháp của họ nên không còn di sản thừa kế nữa.

Phía nguyên đơn, bà VE, bà VI đều khẳng định nguồn gốc đất là của cụ Tròn, cụ Nết di sản chưa được chia các cụ không có di chúc, đề nghị chia theo pháp luật: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông V chết ngày 01/10/2021, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm bà Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Ngọc, Nguyễn Thị Ngà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại HH Nội tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá các tài liệu tại hồ sơ vụ án thấy có căn cứ xác định tài sản chung có tranh chấp là di sản của cụ Tròn, cụ Nết. Các cụ mất đi không để lại di chúc do đó đề nghị chia thừa kế theo pháp luật. Có căn cứ xác định do bà đã chịu toàn bộ mai táng phí khi cụ Tròn chết, các tHHnh viên gia đình đồng ý để bà H được sử dụng 216m² đất. Khi chia thừa kế cần trích công sức giữ gìn, bảo quản di sản thừa kế của ông V, bà H. Đối với phần chia giá trị, chia hiện vật là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu những tài liệu tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị Hòa, Nguyễn Thị HO, Nguyễn Thị Nga kháng cáo toàn bộ bản án. Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử thấy:

I. Về tố tụng dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm xác định, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, những người tham gia tố tụng là có căn cứ pháp luật. Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn V chết ngày 01/10/2021 do đó vợ ông là bà Nguyễn Thị C, các con là chị Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Ngọc, Nguyễn Thị Ngà là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông V.

II. Về nội dung vụ án:

1. Về quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất

1.1 Về nguồn gốc: Căn cứ vào tài liệu địa chính, xác minh tại địa phương và lời khai của các đương sự, có căn cứ xác định 1301m² (đo thực tế) tại thửa đất 35B; 35C tờ bản đồ 03 tại thôn 1, xã Cao Nhân, huyện TN, Hải Phòng là tài sản của cụ Nguyễn Văn Tròn và cụ Phạm Thị Nết. Cụ Tròn, cụ Nết đã chết không để lại di chúc. Gia đình ông Nguyễn Văn V và gia đình ông Son quản lý sử dụng và được tách tHHnh 2 diện tích: Gia đình ông V sử dụng 640m²; Gia đình ông Son quản lý sử dụng 661m² (theo số đo thực tế). Ngày 14/2/2006, Ủy ban nhân dân huyện TN cấp GCNQSDĐ cho ông V và vợ là bà C 584m²; cấp cho hộ bà H (vợ ông Son) 507m². Sự chênh lệch giữa GCNQSDĐ và thực tế sử dụng là do sai số khi đo đạc. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, không có ai có ý kiến khác về vấn đề này.

1.2. Về yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ đề nghị ông V, bà H trả lại diện tích 216m² (ông V trả 108m², bà H 108m²): Căn cứ vào các tài liệu tại hồ sơ vụ án văn bản hợp gia đình ngày 22/2/2002 và biên bản hợp gia đình ngày 27/7/2015 có chữ ký của ông V, bà VE, bà VI, bà H có nội dung ông V, bà H phải cắt lại mỗi người 3 miếng cho bà Đ. Các tài liệu này phù hợp với lời khai của các đương sự: Khi cụ Tròn chết, do không có tiền lo mai táng, ông Son đã định bán đất của bố mẹ để chi cho tang lễ nên bà Đ bỏ tiền để lo mai táng phí, do đó các anh chị em đã thỏa THận trả cho bà Đ 6 miếng đất (36m²/miếng) để bù vào số tiền bà Đ đã chi phí. Ông Nguyễn Văn V đồng ý trả lại cho bà Đ 108m², bà H không đồng ý với lý do bà không biết nội dung này vì khi ký văn bản bà đang bị ốm là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đ đòi lại 216m². Số diện tích này được trừ vào diện tích đất của cụ Tròn, cụ Nết để lại.

+ Về việc trích công sức giữ gìn, bảo quản diện tích 46m²: Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông V, bà H và các con có công sức giữ gìn, bảo quản diện tích 216m² vì đã trông coi giữ gìn từ 1998 đến nay và tính công sức cho ông V, gia đình bà H mỗi bên 21,6m² là có căn cứ. Như vậy, sau khi trả cho bà H, ông V mỗi người 21,6m² thì bà Đ được sử dụng 172,8m² đất.

3. Về quá trình biến động sử dụng đất:

3.1. Đối với diện tích ông V đang sử dụng là 640m²: Trên đất đã xây dựng

nHH cấp 4 và công trình phụ. Năm 2011 gia đình ông V đã chuyển nhượng cho ông Khương, bà Hiền 100m² (hiện nay anh Quân, chị HH đã dựng lán làm xưởng 94m²) và đã được GCNQSDĐ diện tích 494m². Năm 2019, gia đình ông V chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn Sỹ diện tích 100m² (đo thực tế là 97m²). Hiện anh Sỹ chưa xây dựng gì.

3.2. Đối với diện tích gia đình bà H đang quản lý sử dụng là 661m²: Khi còn sống ông Sơn đã chuyển nhượng cho ông Vện 110,4m² (hiện trạng là 115,9m²). Ngày 23/12/2013 ông Vện, bà Hạnh được cấp GCNQSDĐ đến năm 2014 ông Vện, bà Hạnh chuyển nhượng cho anh Hiền, chị Thảo (có ghi chú sang tên chị Thảo, anh Hiền). Chị Thảo, anh Hiền đã xây dựng nHH và công trình phụ trên đất.

3.3. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá, nhận định tính hợp pháp hợp lý, hợp tình của việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyết định giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của những người đã nhận chuyển nhượng đất là hợp tình, hợp lý đảm bảo sự ổn định và bảo vệ người thứ 3 ngay tình trong giao dịch dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự.

Ông V, bà H và các con của bà H, ông Sơn phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho những người thừa kế khác tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất họ được hưởng thừa kế.

4. Về quan hệ tranh chấp chia thừa kế.

4.1. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu việc chia thừa kế theo pháp luật là có cơ sở.

4.1.2 Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế theo quy định tại Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân tối cao là có cơ sở pháp luật.

4.1.3 Về di sản thừa kế: Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ Tròn, cụ Nết còn lại sau khi đã trừ đi số diện tích đất cắt trả cho bà Đ tương ứng với chi phí mai táng bà Đ đã bỏ ra là 1085m² đất, trị giá 2.170.000.000 đồng là có căn cứ.

4.1.4. Về HHng thừa kế: Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ Tròn, cụ Nết sinh thời có 06 người con: Ông Vượng, ông Sơn, ông V, bà VE, bà VI, bà Đ. Ông Vượng hy sinh năm 1975 là liệt sĩ không có vợ con; ông Sơn chết năm 1998 do đó bà H là vợ cùng 4 người con của ông Sơn là chị HH, chị TH, chị HU, chị HO được hưởng phần thừa kế của ông Sơn. Việc cấp sơ thẩm xác định HHng và diện thừa kế như trên là đúng và đầy đủ.

4.1.5 Về cách chia thừa kế:

+ Tòa cấp sơ thẩm xác định công sức giữ gìn tôn tạo di sản thừa kế của gia ông V và gia đình bà H, ông Sơn mỗi gia đình tương đương với 1 suất thừa kế là phù hợp và có căn cứ.

* 1085m² đất: 7 kỷ phần = 155m².

$$155\text{m}^2 \times 2.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 310.000.000 \text{ đồng.}$$

Như vậy: Bà H, chị HH, chị TH, chị HU, chị HO (vợ con của ông Son) được hưởng thừa kế và công sức giữ gìn tôn tạo đất là: $155\text{m}^2 \times 2 + 21,6\text{m}^2 = 331,6\text{m}^2$ trị giá 663.200.000 đồng.

* Ông V được hưởng thừa kế và công sức giữ gìn tôn tạo đất: $155\text{m}^2 \times 2 + 21,6\text{m}^2 = 331,6\text{m}^2 = 663.200.000$ đồng. Ông V chết nên bà Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị Nga, chị Nguyễn Thị Ngọc, chị Nguyễn Thị Ngà được hưởng.

* Bà Đ được hưởng thừa kế và nhận lại đất tương đương với số tiền đã chi phí tang lễ là $155\text{m}^2 + 172,8\text{m}^2 = 327,8\text{m}^2$ trị giá 655.600.000 đồng.

+ Bà VE hưởng 155m^2 đất giá trị 310.000.000 đồng.

+ Bà VI hưởng 155m^2 đất trị giá 310.000.000 đồng.

Phương thức chia: Do trong quá trình sử dụng đất, gia đình bà H, gia đình ông V đã xây nHH, công trình phụ, đồng thời đã chuyển nhượng một phần cho gia đình anh Khương, anh Sỹ, vợ chồng anh Hiền và họ cũng đã xây nHH và cư trú ổn định. Bà VE, bà VI đã ở riêng tại nơi khác từ lâu. Do đó, để ổn định cuộc sống không gây xáo trộn cho các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia thừa kế bằng hiện vật và bằng giá trị cho các thừa kế như bản án sơ thẩm là có cơ sở, phù hợp với thực tế sử dụng đất, phù hợp với pháp luật.

5/ Về yêu cầu hủy GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân huyện TN đã cấp cho hộ gia đình bà H; hộ gia đình ông V bà C: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các biên bản họp gia đình ngày 12/10/2005, ngày 27/7/2015 và kết luận giám định để xác định Ủy ban nhân dân huyện TN đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà H; hộ gia đình ông V bà C là chưa đúng, chưa đủ căn cứ, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, gia đình bà H, gia đình ông V bà C đều được chia thừa kế bằng diện tích đất (chia hiện vật), do đó không cần thiết phải hủy GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân huyện TN đã cấp cho gia đình bà H, gia đình ông V, bà C mà chỉ cần điều chỉnh sửa và cấp mới theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền đến các cơ quan nHH nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ và điều chỉnh theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

Nhận định trên của cấp sơ thẩm là có căn cứ.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho các đương sự có kháng cáo.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị HH, chị Nguyễn Thị HO, chị Nguyễn Thị Nga. Giữ nguyên bản

án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân tHHnh phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tHO vụ Quốc hội quy định về TH, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị HH, chị Nguyễn Thị HO, chị Nguyễn Thị Nga.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn

Điền Văn Hằng

Nguyễn HU Cường

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại HH Nội;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA; Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn HU Cường